

# VẤN ĐỀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA HỌC TẬP CHO SINH VIÊN CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN

○ PGS. TS. PHẠM HỒNG QUANG\* THS. ĐỖ LỆ HÀ\*\*

Một trường đại học (ĐH) uy tín, có khả năng thu hút sinh viên (SV) cần rất nhiều yếu tố, song không thể thiếu 3 yếu tố cơ bản: đội ngũ giảng viên (GV) tốt; cơ sở vật chất phù hợp; môi trường văn hóa học tập (MTVHHT) và làm việc tạo điều kiện cho sự phát triển. Hiện nay, các trường ĐH Việt Nam đang quan tâm đến việc xây dựng đội ngũ GV và cơ sở vật chất phục vụ ĐT mà chưa đặt ra mục tiêu xây dựng MTVHHT trong SV là trọng tâm. Thời gian qua, Bộ GD-ĐT đã triển khai nhập khẩu một số *chương trình tiên tiến* (CTTT) của các trường ĐH uy tín của Hoa Kỳ để tạo ra sự chuyển động trong hệ thống giáo dục ĐH Việt Nam theo hướng đổi mới cơ bản và toàn diện. Vấn đề đặt ra là, làm sao xây dựng được MTVHHT ngay chính trong quá trình tổ chức ĐT theo CTTT để SV vừa tiếp thu những giá trị mới của các chương trình «nhập khẩu», nhưng đồng thời vẫn giữ được bản sắc tiêu biểu của giáo dục ĐH Việt Nam. Muốn làm được điều này, trước hết cần xóa bỏ những thói quen học tập (HT) thiếu tích cực đang tồn tại trong các trường ĐH của nước ta. Bài viết này tập trung nghiên cứu MTVHHT nói chung và CTTT nói riêng ở các trường ĐH, qua đó đề xuất một số biện pháp xây dựng MTVHHT, tạo nền tảng cho sự sáng tạo và thành công của người học sau này.

## 1. Thực trạng MTVHHT của SV CTTT

### 1) Đặc điểm hoạt động HT của SV CTTT

Khác với các hệ ĐT khác, quá trình HT của SV CTTT có những đặc điểm sau: 1) *Chương trình ĐT bao quát hơn các chương trình ĐT trong nước, có sự thống nhất giữa các học phần cơ bản cơ sở và chuyên ngành với sự trợ giúp cao của máy tính*; 2) *Đối tượng tuyển sinh của CTTT là những SV đã trúng tuyển kì thi tuyển sinh quốc gia (đa số các em đều đạt điểm khá cao). Bản thân các em đã xác định được mục đích phấn đấu và yêu cầu của chương trình*; 3) *Khối lượng kiến thức mà GV cung*

*cấp cho SV thường không quá lớn nhưng tính thực tiễn cao hơn rất nhiều so với khối lượng kiến thức «hàn lâm» của giáo dục ĐH Việt Nam*; 4) *Hoạt động học có tính chất nghiên cứu cao, người học phải chủ động, sáng tạo trong việc tiếp nhận kiến thức. Bên cạnh đó, phương pháp giảng dạy mang tính tương tác, SV «bình đẳng» với GV trong hoạt động HT*; 5) *Ngôn ngữ HT bằng tiếng Anh và phần lớn là do các GV nước ngoài đảm nhận (các GV này hoàn toàn không biết tiếng Việt). Bởi vậy, sự khác biệt giữa các nền văn hóa, điều kiện sinh sống, làm việc cũng phần nào ảnh hưởng đến sự tiếp nhận tri thức của SV*

### 2) Thực trạng HT của SV CTTT

Sau khi khảo sát tại Trường ĐH kĩ thuật công nghiệp (thuộc Trường ĐH Thái Nguyên) đối với SV đang theo học ngành: kĩ thuật cơ khí (85 SV năm thứ 3 của 3 lớp) và kĩ thuật điện (mới tuyển sinh năm đầu tiên với quy mô 18 SV) - hai ngành học có sự hợp tác giữa Trường ĐH kĩ thuật công nghiệp với ĐH bang NewYork tại Buffalo, Hoa Kỳ chúng tôi nhận thấy: 1) *Trường ĐH kĩ thuật công nghiệp đã đi tiên phong trong việc tạo môi trường HT tiếng Anh cho SV CTTT (trong số các trường ĐH triển khai CTTT)*; 2) *Sau một thời gian ứng dụng, thử nghiệm, nhà trường đã xây dựng được môi trường văn hóa giao tiếp, môi trường HT tích cực cho SV*; 3) *Để tạo điều kiện cho SV có môi trường giao tiếp, rèn luyện khả năng tự học theo nhóm, nhà trường yêu cầu SV học CTTT phải ở tập trung trong kí túc xá (được trang bị cơ sở vật chất hiện đại, có giảng đường riêng để sinh hoạt tập thể, có phòng xem tivi phát bằng tiếng Anh)*; 4) *Việc tổ chức ĐT cho SV CTTT được chia làm 2 giai đoạn. Giai đoạn 1: SV chỉ học tiếng Anh, giai đoạn 2: SV học các học phần chuyên*

\* Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên

\*\* Trường Đại học kĩ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên

ngành bằng tiếng Anh. Ở giai đoạn 1: SV CTTT phải học cả ngày và số tiết học lên đến 40 tiết/1 tuần. Số giờ giảng tiếng Anh do các GV nước ngoài giảng dạy chiếm 42%. Nhà trường đã mời một GV đến từ Philipines sang giảng dạy cơ hữu tại trường. Kết thúc giai đoạn 1, 60/73 (tỉ lệ 82%) SV thi Toefl đạt kết quả từ 450 điểm trở lên, trong đó có 19/60 (tỉ lệ 32%) SV đạt điểm từ 500 trở lên. Sang giai đoạn 2: khoảng 45/50 (tỉ lệ 90%) các học phần chuyên ngành (không tính các học phần *Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng*) được giảng dạy bởi các GV nước ngoài (đến từ các trường ĐH Bang NewYork tại Buffalo, ĐH Oklahoma, ĐH Missouri, ĐH Arkansas, Hoa Kỳ); những học phần còn lại do GV Việt Nam (đã học tiến sĩ ở nước ngoài về) đảm nhiệm; 5) *Mỗi năm, nhà trường tiếp nhận khoảng 15-20 SV thực tập nước ngoài* (từ năm thứ 3 trở lên) từ các nước Hoa Kỳ, Australia, Canada, Đức, Thụy điển, Áo... sang sinh sống và làm việc với SV CTTT (trong khoảng thời gian từ 2-4 tháng) để SV CTTT có điều kiện HT và trau dồi khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh; 6) *Sau 3 năm triển khai CTTT học bằng tiếng Anh, kết quả HT của SV khá khả quan: tỉ lệ SV xếp loại học lực giỏi: 5%; khá: 37%; trung bình khá: 58%. Khóa 2: tỉ lệ SV xếp loại học lực giỏi: 12,5%; khá: 47%; trung bình khá: 40,5%.*

Mặc dù việc đưa CTTT vào triển khai (ở Trường ĐH kĩ thuật công nghiệp Thái Nguyên) đã mang lại những hiệu quả nhất định và bước đầu đã tiếp cận, hội nhập được với xu thế giáo dục của thế giới, nhưng xuất phát từ nhiều lí do (khách quan và chủ quan) nên quá trình áp dụng vẫn chưa mang lại hiệu quả như mong muốn: 1) Nhìn chung, SV còn thiếu tính chủ động, tích cực, tự giác trong HT, chưa có khả năng làm việc theo nhóm, chưa biết sử dụng thời gian để làm việc một cách hiệu quả. Nhược điểm cơ bản này có thể xuất phát từ phương pháp dạy học truyền thống của chúng ta (cách học nhồi nhét, thầy đọc trò chép) và những ảnh hưởng từ văn hóa phương Đông (e ngại bộc lộ cá tính, «cái tôi» của mình); 2) SV chưa tự giác và trung thực trong thi cử. Trong các giờ kiểm tra, các em chưa chủ động làm bài (do chưa tự tin vào bản thân), vẫn còn hiện tượng quay cốp tài liệu, nhìn bài nhau. Đây là điểm khác biệt giữa SV Việt Nam và SV Hoa Kỳ. Nếu CTTT không khắc phục được những nhược điểm này, SV của chúng ta sẽ rất khó để

hội nhập quốc tế; mặt khác, nhược điểm này đã và đang dần hình thành một MTVHHT không tốt trong SV. Nhìn chung, văn hóa HT tích cực chưa được hình thành bền vững ở SV

## 2. Một số biện pháp xây dựng MTVHHT của SV CTTT

MTVHHT, môi trường giáo dục tích cực, đặc biệt là giáo dục ĐH là biểu hiện chỉ số niềm tin của nhà trường; bởi vậy, để triển khai có hiệu quả các CTTT, chúng tôi đề xuất một số biện pháp sau:

### 1) Hình thành cho SV năng lực xác định đúng mục đích và động cơ HT

Mục đích của biện pháp này là giúp SV nhận thức được việc HT trước hết là vì bản thân (được thỏa mãn niềm say mê khoa học và tìm đến chân lí của tri thức). Đây là mục tiêu quan trọng nhất quyết định thành công của mỗi cá nhân trong HT. Để làm được điều này, người học cần có một kế hoạch học tập cụ thể, ví dụ, lập thời khóa biểu theo ngày, tuần, tháng, theo học kì và cả khóa học và phải kiên định thực hiện những kế hoạch đã đề ra, hạn chế để các yếu tố khách quan chi phối. Bước tiếp theo, SV cần đổi mới tư duy trong HT và nâng cao năng lực tự giải quyết vấn đề. Ở bước này, SV nên chủ động tiếp thu bài giảng theo cách hiểu của mình chứ không lệ thuộc vào GV (chỉ biết sao chép lại toàn bộ bài giảng). Trong quá trình học, phải định hướng được nội dung trọng tâm (linh hồn của bài học) là gì? Hình dung được các vấn đề tổng quát, sau đó sử dụng sơ đồ bản đồ tư duy (Mind Map) để triển khai việc tiếp nhận kiến thức của mình. Và, quan trọng hơn là nên từ bỏ tâm lí học vì điểm, trông chờ, ỷ lại vào GV, «mỗi người hãy tự là thầy dạy cho chính bản thân mình» Mặt khác, cần rèn luyện tính kỉ luật để sử dụng thời gian học tập sao cho có hiệu quả nhất. Trong các giờ thảo luận, seminar, SV nên phát huy bản lĩnh, cá tính và «cái tôi» của mình theo phương pháp A.R.E (Assertion khẳng định về vấn đề được trình bày. Reasoning - sử dụng lí lẽ để giải thích cho vấn đề muốn tranh luận. Evidence - đưa ra chứng cứ, trình bày ví dụ về những lí lẽ đã nêu). Hãy «chuẩn bị bài tốt nhất, đặt câu hỏi, tranh luận, đúc kết và kiểm điểm lại những gì mình thu được» và đừng ngại nói ra quan điểm của mình vì sợ sai. GV nên khích lệ SV sự tự tin của SV để các em hiểu rằng việc nói ra suy nghĩ của mình còn quý hơn việc chờ nghĩ ra câu trả lời tốt nhất. Một điều nữa là SV cần chú ý rèn

luyện năng lực khái quát hóa vấn đề song cũng cần có kĩ năng giải quyết các vấn đề cụ thể nảy sinh trong quá trình HT. Bước cuối cùng là SV phải tự đánh giá được hiệu quả hoạt động của bản thân (đã đạt được đúng mục đích và động cơ HT đề ra chưa?) để kịp thời có những điều chỉnh cho phù hợp.

Nếu SV thực hiện tốt biện pháp này, các em sẽ xác định được chính xác động cơ và mục đích HT của mình; nhờ đó, tính tích cực, tự giác, chủ động trong học tập sẽ tăng lên.

### **2) Sử dụng hiệu quả thời gian làm việc ở trường**

CTTT được tổ chức theo hình thức DT tín chỉ, bởi vậy, để tiếp thu được 1 tín chỉ trên lớp, SV phải tự học 30 tiết ở nhà. Tuy nhiên, trên thực tế, đa số SV chưa biết cách sử dụng hoặc sử dụng chưa hiệu quả thời gian tự học ở nhà. Mục đích của biện pháp này giúp SV thay đổi thói quen học tập và rèn luyện năng lực chủ động, thích nghi với môi trường để hình thành ý thức làm việc mới.

Để thực hiện được biện pháp này, SV nên thay thói quen chỉ chăm chú học ở nhà và cứ có giờ mới đến trường, bằng thói quen đến trường tất cả các ngày trong tuần để tham gia học nhóm, thảo luận cùng các bạn hay truy cập, tra cứu tài liệu... Mặt khác, nhà trường cũng nên bố trí cho các GV có ít nhất 1 đến 2 buổi làm việc theo giờ hành chính trong tuần để SV có thể gặp gỡ, trao đổi với các GV về những điều (do khả năng tiếp nhận bài giảng bằng tiếng Anh còn hạn chế) mà họ chưa rõ hoặc chưa thỏa mãn, kịp thời điều chỉnh tiến độ bài giảng trên lớp và tìm ra cách thức truyền tải kiến thức phù hợp nhất với từng đối tượng SV. Kết quả mà biện pháp này cần đạt tới là tăng tính chủ động của SV và giúp các em phát huy được hiệu quả trong việc sử dụng thời gian.

### **3) Thay đổi cơ bản phong cách HT và giao tiếp ứng xử có văn hóa**

Môi trường văn hóa học tập CTTT không chỉ chú trọng việc học của SV mà đặc biệt rất coi trọng việc rèn luyện phong cách HT, nhân cách và cách thức giao tiếp ứng xử có văn hóa cho SV. Đa số SV tham gia học CTTT đều sống trong một thế giới mở (môi trường đa văn hóa với các GV và SV đến từ nhiều quốc gia, nền văn hóa khác nhau); bởi vậy, việc rèn luyện nhân cách hay lối sống sẽ quyết định sự thành công hay thất bại của SV đó trong học tập cũng như khi bước vào đời. Mục tiêu của các trường ĐH

nước ta khi ứng dụng CTTT là muốn xây dựng một MTVHHT đặc trưng, mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam; đồng thời gián tiếp «quảng bá» văn hóa của nước ta đến thế giới thông qua các GV và SV nước ngoài đến sinh sống, học tập và giảng dạy ở nước ta.

Có thể nói, một trong những biểu hiện đặc trưng của nhân cách là tính trung thực. Tuy nhiên, một số SV (ở các mức độ khác nhau) vẫn còn có những biểu hiện thiếu trung thực trong học tập, thi cử,... Bởi vậy, để kiểm soát việc thiếu trung thực của SV trong thi cử, có thể sử dụng nhiều biện pháp: ra đề thi theo hướng mở, giám thị nghiêm túc, xử lí nghiêm minh các trường hợp vi phạm hoặc trang bị, tăng cường các phương tiện hiện đại hỗ trợ coi thi như máy quay, camera... Tuy nhiên, điều quan trọng nhất là làm sao để SV ý thức được sâu sắc mục đích và động cơ của việc học tập (không phải vì điểm mà học là để trang bị kiến thức cho bản thân và phục vụ công việc sau này). Bên cạnh đó, SV cần trang bị cho bản thân những kĩ năng sống cần thiết, không ngừng rèn luyện cách thức giao tiếp, ứng xử có văn hóa, văn minh trong một môi trường đa văn hóa (một mặt vừa giữ được nét bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc, mặt khác, biết tiếp nhận những nét văn hóa đặc sắc của nước ngoài). Kết quả biện pháp đạt được chính là giúp SV hoàn thiện bản thân, thay đổi cơ bản phong cách HT và xây dựng được văn hóa HT riêng của CTTT.

\* \* \*

Để xây dựng được môi trường HT CTTT cần nhiều yếu tố, nhưng quan trọng nhất là sự chủ động trong HT và tính trung thực trong thi cử. Đây là yếu tố tiền đề để xây dựng môi trường HT tích cực, bền vững, loại bỏ được những thói quen xấu trong HT của SV. Nhiệm vụ này không thể một sớm một chiều đã giải quyết được và đòi hỏi phải có sự đồng tâm, nhất trí ở các cấp quản lí: nhà trường, khoa, bộ môn, GV, SV. Sự tác động phải đồng thời lên 3 mặt: nhận thức, hành động cụ thể và đánh giá. Kết quả đạt được khi SV theo học CTTT không chỉ là kết quả định lượng như điểm số, năng lực tự học tự nghiên cứu, trình độ chuyên môn và tiếng Anh, mà quan trọng hơn là hình thành được phẩm chất chuyên gia tương lai (như tính sáng tạo, khả năng hợp tác nhóm; khả năng giao tiếp, ứng xử, có sức cuốn hút và ảnh hưởng tích cực đến người khác)... Đó là các chỉ số phản ánh

(Xem tiếp trang 24)

người tạo ra những môi trường học tập tích cực và tương tác giữa người học với nhau để hình thành những kỹ năng tự học cá nhân và hợp tác nhóm. □

(1) Claire Margolinas. *Dévolution et institutionnalisation deux aspects antagonistes du rôle du maître, Didactique des disciplines scientifiques et formation des enseignants. Université Pédagogique Ho Chi Minh Ville. 1995.*

(2) Trần Diên Hiến (chủ biên). *Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán. Dự án Phát triển giáo viên tiểu học. NXB Giáo dục, H. 2007.*

#### Tài liệu tham khảo

1. J. M. Denommé M. Roy. *Tiến tới một phương pháp sư phạm tương tác* (Nguyễn Văn Tuấn - Tổng Văn Quán dịch). NXB Thanh niên, H. 2000.

2. Đỗ Đình Hoan (chủ biên). *Toán lớp 1, 2, 3, 4, 5. NXB Giáo dục, H. 2004.*

#### SUMMARY

*In the process of teaching, proper attention should be paid to the role and Influence of environment. Teachers therefore must create active learning environment; giving interactive teaching in the direction of self-formation of new knowledge.*

## Vấn đề xây dựng...

(Tiếp theo trang 3)

đặc trưng văn hóa cao ở người học - và là kết quả mong đợi từ việc ĐT CTTT ở Việt Nam. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. *Đề án đào tạo theo chương trình tiên tiến tại một số trường đại học của Việt Nam giai đoạn 2008-2015, H. 2008.*

3. Các giáo viên của các trường đại học USA. Các báo cáo kết thúc giảng dạy. Đại học Thái Nguyên.

3. Hà Sỹ Hồ. *Những bài giảng về quản lý trường học. NXB Giáo dục, H, 1985.*

4. Phạm Hồng Quang. *Môi trường giáo dục. NXB Giáo dục, H. 2005.*

#### SUMMARY

*Environment of learning culture is an important element of educational institutions. The question is how to make the environment of learning culture in the very process of organizing advanced-syllabus based education so that students can receive new values of "imported" syllabus while still keeping typical identity of Vietnamese college education. According to the author, there are several basic measures: providing students with ability of properly identifying learning purpose and motivation; efficiently using working time at school; radically changing learning style and cultural communication behavior.*

## Quan hệ giữa giáo dục...

(Tiếp theo trang 13)

sự thống nhất này có ý nghĩa trực tiếp to lớn, vì, sự tác động tổ hợp của hai dạng GD sẽ được tăng cường. Trong thực tiễn, khi tiến hành GD cho HS, SV, các trường và từng giáo viên phải kiểm tìm các biện pháp phù hợp để GDPL và GDĐĐ với tư cách là các biện pháp bổ sung hữu cơ cho nhau nhằm đảm bảo tăng cường sự tác động lên tình cảm, hình thành hành vi hợp pháp, đạo đức ở con người.

Mặc dù có mối quan hệ hữu cơ biện chứng với nhau, tuy nhiên cần phải khẳng định, sẽ không thể hòa lẫn và trộn lẫn GDĐĐ và GDPL. Tính biện chứng đòi hỏi phải phân biệt và nhận ra cái riêng trong cái chung, cái tổng thể; nhận ra các duy nhất trong cái đặc thù. Điều đó chỉ ra rằng, cùng với tính hệ thống và tổ hợp của quá trình GD cần phải phân biệt một cách rõ ràng các đa dạng khác nhau của GDĐĐ và GDPL. GDĐĐ không thể thay thế GDPL, cũng như GDPL không thể thay thế GDĐĐ, vì mỗi hình thức GD có mục đích, nội dung, hình thức và phương pháp riêng của mình. Bên cạnh đó, tùy từng lứa tuổi mà chúng ta có những nội dung GDĐĐ và GDPL phù hợp để mỗi hình thức phát huy được vai trò của mình trong việc hình thành nhân cách của con người Việt Nam. □

(1) M. Rodentan (chủ biên). *Từ điển Triết học. NXB Sự thật, H. 1986.*

(2) *Giáo trình Triết học Mác-Lênin. NXB Chính trị quốc gia, H. 1999.*

(3) *Giáo trình Lý luận Mác-Lênin về Nhà nước và Pháp luật. Khoa Luật Trường Đại học quốc gia Hà Nội. 2002.*

#### Tài liệu tham khảo

1. *Bản về giáo dục pháp luật. NXB Chính trị quốc gia, H. 1995.*

2. "Phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong trường học" *Hội thảo khoa học. Đà Lạt. 14/12/2007.*

3. "Nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức trong trường phổ thông". *Hội thảo khoa học. TP. Hồ Chí Minh. 21/12/2007.*

4. *Vai trò của pháp luật trong quá trình hình thành nhân cách. NXB Tư pháp, H. 2005.*

#### SUMMARY

*Moral education and legal education, though having organic and dialectical relationships to each other, it is necessary to distinguish between multiple types of ethics education and legal education, as well as attention should be given to age psychological characteristics so as to have appropriate contents for the moral and legal education process to pupils and students.*